Ngày soạn: TUẦN 8 TIẾT 27

20 - 10 - 24

**NÓI VÀ NGHE*:***

**NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**I. Mục tiêu:**

1.Về năng lực

* HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói và nghe; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
* HS có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của người khác.
* HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng.

**II. Thiết bị và học liệu**

1. Thiết bị: máy tính, máy chiếu,…

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy,…

**III. Tiến trình dạy học**

GV dẫn dắt vào nội dung bài học

 Có nhiều vấn đề trong cuộc sống. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình, sau đó cùng nhau trao đổi để tìm ra phương hướng giải pháp thống nhất. Tiết học hôm nay sẽ cùng thực hành nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

**Hoạt động 1: Ôn tập củng cố kiến thức**

**Hoạt động 1**: Ôn lại kiến thức bài : Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

 **a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói và nghe: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

 **b. Nội dung:** HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe : Thực hành nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

 **c. Sản phẩm**: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| **HOẠT ĐỘNG 1:** Ôn tập củng cố kiến thức. Bước 1: GV giao nhiệm vụ: *Câu 1.  Vì sao nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là yêu cầu cần thiết trong giao tiếp, nhất là khi nghe trình bày một ý kiến nghị luận?* *Câu 2. Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, em cần lưu ý điều gì?**Câu 3: Để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.Theo em người nghe sẽ ghi lại những gì khi nghe người nói trình bày?* *Câu 4: Trình bày các bước khi nói và nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến ?*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:+ Tổ chức cho học sinh tham gia mở hộp quà để trả lời các câu hỏi (*dựa vào phần định hướng trong SGK đã học ở bài 1)*+ GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS trả lời câu hỏi+ Đại diện một số HS phát biểu.+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I :Ôn lại kiến thức bài** : Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.Bởi vì: - Mục đích của văn nghị luận là thuyết phục.- Kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe.- Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có).- Nghe kĩ nội dung ý kiến mà người nói đã trình bày (Người nói nêu ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói là gì?). - Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói. - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.- Mở đầu nêu lên vấn đề gì?- Triển khai vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng ra sao?- Lí lẽ và bằng chứng có sức thuyết phục không- Nội dung trình bày có logic, chặt chẽ không?- Còn thiếu những bằng chứng gì?Bước 1: Chuẩn bịBước 2: Tìm ý và lập dàn ýBước 3: Nói và ngheBước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa |

**Hoạt động 2: Thực hành nghe**

Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về một trong hai vấn đề sau:

(1): Từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh để ngụ tình.

(2): Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.

|  |
| --- |
| a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nghe, kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe. Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có).b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã nghe xong.c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nghe, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ của HS.d. Tổ chức thực hiện: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về vấn đề 2:(2): Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”. |
| **HOẠT ĐỘNG 2:** Thực hành nói và ngheBước 1: GV giao nhiệm vụ:? Trước khi nói, hãy chọn một vấn đề cho bài nói của mình??Trước khi nghe, hãy trả lời các câu hỏi sau:(Người nói nêu ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói là gì?). Trước khi nói, hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?*- Người nói: Cần trả lời được một số câu hỏi sau:*+ Ý kiến đó là đúng hay sai? Vì sao?+ Ngôn ngữ Nam bộ là gì?+ Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện rõ trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga như thế nào? *- Người nghe: chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày.*+ Ý kiến tán thành hay phản đối của người nói có thuyết phục không?+ Quan niệm về ngôn ngữ Nam bộ của người nói có đúng không? Vì sao?+ Những lí lẽ và bằng chứng về ngôn ngữ Nam Bộ trong đoạn trích được người nói dẫn ra có chính xác không?+ Cần bổ sung, chỉnh sửa như thế nào cho đúng và có sức thuyết phục hơn?Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:+ HS trình bày sản phẩm trước lớp, các em khác lắng nghe.- Nghe kĩ nội dung người nói đã trình bày.- Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói. - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.+ GV quan sát, khuyến khíchBước 3: HS báo cáo kết quả nghe- HS thảo luận nhóm bàn sau đó cử 1 bạn đại diện đánh giá tính thuyết phục của ý kiến qua bài nói của bạn.( GV có thể cử đại diện của 4 nhóm)Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | **II. Thực hành****1. Chuẩn bị** :*Người nói:* - Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về một trong hai vấn đề mà bài tập đã nêu lên.*Người nghe:*- Nghe kĩ nội dung ý kiến mà người nói đã trình bày- Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói. - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.**2. Tìm ý, lập dàn ý****->Ý kiến đó là đúng** vì trong Truyện Lục Vân Tiên, đặc biệt trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng rất nhiều ngôn ngữ Nam Bộ.-> Tiếng Nam Bộ là tiếng Việt của khu vực Nam Bộ. Nó có những quy luật hoạt động cơ bản giống như ngôn ngữ toàn dân nhưng rõ ràng có những khác biệt so với tiếng được coi là chuẩn của toàn dân cả về phát âm, từ vựng, ngữ pháp và cả trong cách chơi chữ, nói lái, nói lướt âm, nuốt âm, đặt tên đất, tên sông rạch, cầu cống-> Ngôn ngữ của tác giả là ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, khoáng đạt gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày. Ngôn ngữ mang màu sắc địa phương Nam Bộ với các từ địa phương: nhằm làng, xông vô, kêu rằng, tại mầy, xe nầy, tiểu thơ…Các từ ngữ này làm cho màu sắc Nam Bộ rất độc đáo, được người dân Nam Bộ yêu thích, truyền tụng. Ngoài ra, ngôn ngữ kể chuyện khá linh hoạt, đa dạng. Miêu tả trận đánh, lời lẽ Phong Lai, khác hẳn với việc miêu tả cuộc trò chuyện của chàng với hai cô gái. Ngôn ngữ thơ ca rất phù hợp với diễn biến, tình tiết truyện.-> Ý kiến tán của người nói có sức thuyết phục.-> Quan niệm về ngôn ngữ Nam Bộ của người nói là đúng.-> Những lí lẽ và bằng chứng về ngôn ngữ Nam Bộ trong đoạn trích được người nói dẫn ra hoàn toàn chính xác.-> Không cần bổ sung chỉnh sửa.3**. Nói và nghe***- Người nói:*+ Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp.+ Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.+ Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.+ Có thể trả lời câu hỏi của người nghe*- Người nghe:*+Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.+ Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.+ Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết; trao đổi lại về các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.4.**Kiểm tra và chỉnh sửa**\* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | Đạt/chưa đạt |
| - Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp. |   |
| - Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến. |   |
| - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe. |   |

\* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | Đạt/chưa đạt |
| - Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn |   |
| - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn |   |
| - Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |   |

 |
| **Hoạt động 3: Trao đổi, đánh giá về bài nghe** |
| a. Mục tiêu: GQVĐ - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nghe của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nghe.- Chỉnh sửa bài nghe cho mình và cho bạn.b. Nội dung:  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nghe dựa trên các tiêu chí.- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nghe .d. Tổ chức thực hiện. |
| **HOẠT ĐỘNG** 3:Trao đổi, đánh giá về bài nói và nghe\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS:Đánh giá bài nghe của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nghe gắn với các tiêu chí.* GV đặt thêm câu hỏi:

*+ Với người nói:* *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*+ Với người nghe*:* *Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận- GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nghe trước lớp của bạn. - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nghe cho bạn.\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | **III. Trao đổi, đánh giá** *Người nói:*Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung. cách thức và thái độ trình bày...– Tự đánh giá:+ Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?+ Bài trình bày đã có sức thuyết phục chưa?+ Em muốn thay đổi điều gì trong bài trình bày của mình?*Người nghe:*Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?...).– Nêu nhận xét về nội dung, hình thức và tính thuyết phục của bài trình bày.– Đánh giá:+ Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?+ Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì? |

|  |
| --- |
|   **Hoạt động 4: Vận dụng***a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,*b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.*c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).*d) Tổ chức thực hiện:* |
| HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụngBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:(GV giao bài tập)- Bài tập: Hoàn thành phần nói và nghe:Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về vấn đề sau:(1): Từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh để ngụ tình.Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập Bước 3: Báo cáo, thảo luận- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)- Nhận xét ý thức làm bài của HS;- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |

Ngày soạn: TUẦN 8 TIẾT 28, 29

20 - 10 - 24

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**A. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**-**  **Ôn tập củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm và văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh; kiến thức Tiếng Việt trong các bài 1,2,3.**

**- Củng cố kiến thức về đặc điểm và quá trình tạo lập để vận dụng tạo lập hoàn chỉnh bài văn bài nghị luận phân tích một bài thơ, một đoạn trích tác phẩm văn học.**

**- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản đã học để thực hiện các đề minh họa kiểm tra đánh giá giữa học kì I.**

**- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.**

***2. Phẩm chất***

**- Chăm chỉ: tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ ôn tập.**

**- Trách nhiệm: nỗ lực, trung thực trong làm bài kiểm tra.**

**B. Phương tiện và học liệu**

**- Máy chiếu, máy chiếu vật thể.**

**- Phiếu học tập, đề kiểm tra minh họa.**

**C. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* HĐ1: Tổng hợp kiến thức trọng tâm đã học*****- GV chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức theo từng nội dung được phân công, dưới dạng các tấm thẻ có kích thước A6 (sơ đồ tư duy hoặc infographic).****+ Nhóm 1: Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát****+ Nhóm 2: Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm****+ Nhóm 3: Kĩ năng đọc hiểu văn bản thuyết mình****+ Nhóm 4: Tổng hợp kiến thức tiếng Việt trong các bài 1,2,3****+ Nhóm 5: Ôn tập về bài văn phân tích một tác phẩm thơ (khái niệm, yêu cầu, lưu ý khi thực hiện quy trình 4 bước, kĩ năng so sánh trong thơ)****+ Nhóm 6: Ôn tập về bài văn phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học (yêu cầu kiểu bài, lưu ý riêng trong bố cục, trong thực hiện quy trình 4 bước, kĩ năng phân tích văn học)****- HS nhận nhiệm vụ, tổ chức nhóm thực hiện yêu cầu.****- GV tổ chức cho đại diện các nhóm trình bày lần lượt từng nội dung; nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.****- GV tổng hợp kiến thức, nhấn mạnh và khắc sâu 1 số kiến thứcvà kĩ năng cơ bản, những lưu ý quan trọng.** | **I. Kiến thức, kĩ năng trọng tâm****1. Phần đọc hiểu*****1.1. Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát*****- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ; một số thủ pháp nghệ thuật như nghệ thuật sử dụng ngôn từ, điển cố, điển tích, khắc hoạ nội tâm; sự khác biệt so với thơ lục bát.****- Vận dụng các đặc điểm ấy vào việc đọc thể loại thơ này:****+ Bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát?** **+ Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.****+ Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng. Chú ý nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm.****- Cần biết vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử khi tác phẩm ra đời và liên hệ với thực tiễn cuộc sống ngày nay để hiểu thêm thông điệp, ý nghĩa của văn bản.*****1.2. Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm*****- Hiểu được một số đặc điểm của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, lời đối thoại và độc thoại,...****- Các văn bản truyện thơ Nôm được học thường là những đoạn trích từ tác phẩm dài, vì thế khi đọc các đoạn trích này, cần chú ý:****+ Tìm hiểu về vị trí của đoạn trích.****+ Xác định được chủ đề của đoạn trích.****+ Các nhân vật gồm những ai và mối quan hệ giữa họ như thế nào?****+ Nội dung và ý nghĩa của đoạn trích có gì sâu sắc?****+ Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật tự sự (diễn biến sự việc), miêu tả tâm lí (diễn biến nội tâm), nghệ thuật sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật khác,...****- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật****2. Phần tiếng Việt*****2.1 Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ*** **a. Chữ Nôm****- Chữ Nôm hình thành và hoàn thiện vào khoảng từ cuối thế kỉ X đến thế kỉ XII.** **- Về cách cấu tạo, chữ Nôm gồm một số chữ mượn y nguyên chữ Hán nhưng phần lớn là những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán.** **- Chữ Nôm được coi là một thành tựu quan trọng về ngôn ngữ - văn hoá, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc; chữ Nôm có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.****b. Chữ Quốc ngữ** **- Là chữ viết ghi âm của tiếng Việt được các nhà truyền giáo, với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam, chế tác từ thế kỉ XVII dựa trên hệ chữ cái La-tinh (Latin).** **- Chữ Quốc ngữ được tu chỉnh qua nhiều giai đoạn, được người Việt tích cực tiếp nhận, truyền bá rộng rãi để đạt đến sự hoàn thiện, ổn định và vị thế như hiện nay.** **- Chữ Quốc ngữ có nhiều ưu điểm mà nổi bật nhất là đơn giản, dễ học.*****2.2 Điển cố, điển tích*****- Điển cố là những câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại một cách súc tích.** **- Điển tích là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ.** **\*Trong thực tế, việc phân biệt điển cố với điển tích không phải bao giờ cũng dễ dàng nên cũng có ý kiến đề nghị nhập hai khái niệm đó làm một.****3. Phần viết** |
| **3.1. Bài văn phân tích một tác phẩm thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Biểu hiện** |
| **1. Khái niệm kiểu bài** | **- Phân tích tác phẩm thơ là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.** |
| **-Có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, nêu những nhận xét, khám phá riêng của bản thân về tác phẩm.** |
| **2. Yêu cầuchung** | **- Đọc kĩ bài thơ, chú ý các đặc điểm của thể loại, tác giả, hoàn cảnh sáng tác (nếu giúp ích cho việc đọc hiểu bài thơ).** |
| **- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ, chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.** |
| **- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của bài thơ đối với người đọc cũng như cá nhân học sinh.** |
| **3. Quy trình 4 bước khi viết bài văn phân tích tác phẩm thơ** | **- B1. Chuẩn bị: chính là đọc hiểu bài thơ.** |
| **-B2. Tìm ý và lập dàn ý: tư duy xây dựng luận điểm, sắp xếp hệ thống lí lẽ, bằng chứng cho bài viết.** |
| **-B3. Viết: vận dụng các thao tác trong viết và rèn luyện cách diễn đạt khi phân tích thơ.** |
| **-B4. Kiểm tra: tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá quá trình thực hành viết của bản thân và người khác theo các tiêu chí riêng của bài phân tích một tác phẩm thơ đã xây dựng trong tiết viết.** |
| **4. Kĩ năng so sánh trong phân tích thơ** | **- So sánh trong phân tích thơ là chỉ ra sự giống nhau, khác nhau của hai hay nhiều tác phẩm, làm nổi bật sự độc đáo, sáng tạo của nhà thơ.** |
| **- Về nguyên tắc, có thể so sánh điểm giống và khác nhau ở tất cả các cấp độ, từ nội dung (đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng,…) đến hình thức của tác phẩm (nhan đề, bố cục, chi tiết, vần, nhịp, hình ảnh, các thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ,…).** |

**3.2. Bài vănPhân tích một đoạn trích tác phẩm văn học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Biểu hiện** |
| **1. Yêu cầu kiểu bài.** | -Đọc kĩ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm. |
| -Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật của đoạn trích. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm. |
| -Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm. |
| -Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của văn bản đối với người đọc cũng như bản thân em. |
| **2. Lưu ý riêng về bố cục trong bài vănphân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.** | **-Mở bài: cần giới thiệu đoạn trích, nhận định khái quát nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung của đoạn trích.** |
| **-Thân bài: cần bổ sung giới thiệu vị trí, tóm tắt sự việc trước đoạn trích trong tổng thể tác phẩm.** |
| **-Kết bài: cần khẳng định giá trị nghệ thuật, nội dung của đoạn trích đặt trong giá trị chung của tác phẩm.** |
| **3. Lưu ý quy trình 4 bước khi viết bài văn phân tích tác phẩm thơ** | **- B1. Chuẩn bị: chính là đọc hiểu đoạn trích, khám phá những giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.** |
| **- B2. Tìm ý và lập dàn ý: tư duy xây dựng luận điểm, sắp xếp hệ thống lí lẽ, bằng chứng cho bài viết.** |
| **- B3. Viết: vận dụng các thao tác trong viết và rèn luyện cách diễn đạt khi phân tích truyện thơ Nôm.** |
| **- B4. Kiểm tra: tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá quá trình thực hành viết của bản thân và người khác theo các tiêu chí riêng của bài phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học đã xây dựng trong tiết viết.** |
| **4. Kĩ năng phân tích văn học** | **- Chia tách tác phẩm văn học thành nhiều phần, xem xét từ nhiều bình diện (nội dung, nghệ thuật) 🡪 chỉ ra giá trị (cái hay, cái đẹp, ý nghĩa và tác dụng) của tác phẩm.** |
| **- Phân tích văn học luôn phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa nội dung và hình thức, thể hiện bằng việc nhận ra các yếu tố nghệ thuật đặc sắc và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung tác phẩm.** |

 |
|  |
| **II. THỰC HÀNH** **Phần I. Luyện kĩ năng đọc hiểu** **ĐƯA TIỄN CHINH PHỤ****(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*)****Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,****Xếp bút nghiên theo việc đao cung.****Thành liên mong tiến bệ rồng,****Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời,****Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,****Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao****Già nhà đeo bức chiến bảo,****Thét roi cầu Vy, ào ào giỏ thu.****Ngòi" đầu cầu nước trong như lọc,****Đường bên cầu cỏ mọc còn non.****Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,****Bột khôn bằng ngựa, thuỷ khôn bằng thuyền.****(Những khúc ngâm chọn lọc, tập 1, Lương Văn Đăng - Nguyễn Thạch Giang -Nguyễn Lộc giới thiệu, biên khảo, chú giải, NXB Đại học vàTrung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987)*****\*Chú thích:*** **(1) Thành liền: nhiều thành liên tiếp nhau, ý nói lập được nhiều chiến công, hạ được nhiềuthành giặc.****(2) Bệ rồng: thêm, bác có hình con rồng, chỗ nhà vua ngói, chỉ nhà vua.****(3) Giặc trời: giặc mạnh, ngang ngược, không sợ uy của nhà vua.****(4) Da ngựa: lấy điển tích từ câu nói của Mã Viên đời Đông Hán. Mã Viện đến 70 tuổi vẫnlàm tướng cầm quân ra trận và thường nói: Bậc trượng phu phải lấy da ngựa bọc thây, sao lại chịu chết trên tay đàn bà được. Ý cả câu: làm trai phải có chí đánh giặc lập công,dù phải hi sinh, bọc thây bằng da ngựa, chôn ngoài chiến trường xa nghìn dặm.****(5) Già nhà: từ già gia đình; chiến bào: áo chiến, ào mặc ra trận.****(6) Cầu Vị: cầu bắc qua sông Vị (Trung Quốc). Vua Đường Thái Tông từng xuất quân qua cầu này.****(7) Ngòi: lạch nước nhỏ****(8) Bộ: đường bộ****(9) Khôn: không****Thực hiện yêu cầu:****1. Nhận diện các yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số****chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.****2. Liệt kê và nêu tác dụng của những điển tích và biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích.****3. Đoạn trích thể hiện tâm trạng của ai? Trong bối cảnh nào?****4. Qua đôi mắt của chinh phụ, hình ảnh chinh phu được khắc hoạ như thế nào? Tâm trạng ngổn ngang, mâu thuẫn của người chinh phụ được thể hiện như thế nào?****5. Ngâm khúc là tác phẩm trữ tình, miêu tả thế giới nội tâm với các diễn biếntrong tâm hồn, kể sự việc cũng là để tả nội tâm, cảm xúc. Vậy, cáchkhắc hoạ nhân vật của ngâm khúc nói riêng, thơ trữ tình nói chung khácgì với tác phẩm tự sự?****Phần II. Luyện kĩ năng Viết****Bài 1.Viết đoạn (khoảng 200 chữ, trình bày theo cách diễn dịch)phân tích phântích một nét đặc sắc nghệ thuật trong đoạn thơ sau:****“*Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng*** ***Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn******Tình buồn cảnh lại vô duyên*** ***Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này”*****Bài 2. Phân tích tâm trạng nhân vật chinh phụ trong đoạn trích “Đưa tiễn chinh phụ”** |
| **DỰ KIẾN SẢN PHẨM****Phần 1: Luyện kĩ năng đọc hiểu****Câu 1. Học sinh xem lại lí thuyết, nhận diện yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ, sự khác biệt so với thơ lục bát.****Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc trưngthể loại | Biểu hiệntrong văn bản |
| 1. Số dòng, số chữ |  Mỗi khổ gồm 4 dòng: hai dòng thất ngôn và một dòng lục, một dòng bát kế tiếp nhau liên tục.  |
| 2. Vần, Nhịp | - Mỗi khổ thơ có hai vần trắc và năm vần bằng; dòng sáu chỉ có vần chân, ba dòng kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.- Nhịp: câu song thất ngắt nhịp ¾, 3/2/2; câu lục bát ngắt nhịp chẵn.\*VD.*Chàng tuổi trẻ/vốn giòng hào kiệt,* *B T**Xếp bút nghiên/theo việc đao cung.* *T B**Thành liên/mong tiến/bệ rồng,* *B**Thước gươm đã quyết/chẳng dung giặc trời,* *B B* |

**Câu 2. HS xem lại khái niệm về điển tích và biện pháp tu từ để trả lời 2 ý.****- Các điển tích được sử dụng trong đoạn trích là: *dặm nghìn da ngựa,nhẹ tựa hồng mao, thét roi cầu Vị*.** **🡪 Tác dụng: thể hiện chí khí quyết xả thân cứu nước và tinh thần dũng mãnh của chính phu.****- Các biện pháp tu từ:****+ Hoán dụ: bút nghiên - việc học tập; đao cung - việc ra chiến trận: bệ rồng - nhà vua. Cách dùng hoán dụ làm cho câu thơ trang trọng, tao nhã, tăngvẻ đẹp của chính phu...****+ Khoa trương: “*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa, / Gieo Thái sơn nhẹ tựahồng mao”.* Với việc dùng điển tích, khoa trương, tác giả diễn tả chí khí ngúttrời của người chinh phu.****+ So sánh: *nước trong như lọc, bộ khôn bằng ngựa, thuỷ khôn bằngthuyền.*****🡪Tác dụng: Đặc tả tâm trạng và cảm xúc xáo trộn, buồn bã, tủi thân của người chinh phụ một cách sinh động, gợi hình dung và cảm xúc cho người đọc.****Câu 3. Trả lời 2 ý:tâm trạng nhân vật và bối cảnh.****Gợi ý:Đoạn trích là lời giãi bày tâm trạng của chinh phụ lúc tiễn chinh phu lên đường chinh chiến.****Câu 4. HS trả lời rõ các ý: Hình ảnh chinh phu trong mắt chinh phụ và tâm trạng ngổn ngang, mâu thuẫn của người chinh phụ.****\* Gợi ý:****- Người chinh phụ thấy chồng mình uy nghi,đẹp đẽ, thực là một trang anh hùng vốn xuất thân từ dòng dõi hàokiệt. Khi nước nhà gặp hoạ chiến tranh, chàng từ bỏ bút nghiên, sẵn sàng lênđường lập công giết giặc. Chàng là hiện thân của mẫu hình trai thời loạn vàtinh thần nam nhi đại trượng phu, trung quân ái quốc.** **- Người chinh phụ một mặt tự hào về chồng mình thấu hiểuviệc chính phu xuất quân vừa là thực hiện bổn phận nghĩa vụ với vua, vớinước vừa là để lập công danh, thoả chí làm trai.Mặt khác, chinh phụ buồn cho hạnh phúc riêng tư của mình. Ngay lúcchinh phu lên đường, có đã hết sức buồn sầu và thấy bản thân tội nghiệp.****Câu 5. HS chỉ rasự khác nhau giữa cách khắc hoạ nhân vật của ngâm khúc nói riêng, thơ trữ tình nói chung với tác phẩm tự sự.****\*Gợi ý: Cách khắc hoạ nhân vật của thơ trữ tình khác với tác phẩm tự sự ở chỗ:****nhân vật trữ tình chủ yếu là tình cảm, tâm trạng: nhân vật tự sự thiên về hành****động, lời nói.****II. Phần rèn kĩ năng viết****Bài 1.Viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu sau:****- Hình thức: đảm bảo cấu trúc đoạn văn trình bày theo cách diễn dịch, dung lượng khoảng 200 chữ.****- Nội dung: lựa chọn và phân tích một nét đặc sắc nghệ thuật trong đoạn thơ** ***\*Gợi ý một số nét đặc sắc trong đoạn thơ:*****- Đặc sắc trong sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ…, ví dụ:****+ Hàng loạt điệp ngữ: buồn, buồn vì, ta, ai, lại, tình****+ Hình ảnh ẩn dụ nguyệt hoa****🡪 Khắc họa tâm trạng buồn bã triền miên không dứt****- Bố cục, kết cấu đoạn thơ: đan cài nỗi nhớ về quá khứ và hiện tại****- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu sức gợi.****Bài 2. Phân tích đoạn trích “Đưa tiễn chinh phụ” ở phần đọc văn bản 2, đảm bảo các yêu cầu sau:***a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận phân tích tác phẩm (đoạn trích) thơ:* trình bày đủ cấu trúc ba phần; thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn, liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề.*b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:***Phân tích tâm trạng nhân vật chinh phụ trong đoạn trích “Đưa tiễn chinh phụ”***c. Nội dung:* HS có thể triển khai vấn đề thành các luận điểm khác nhau song cần biết vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng hợp lí để đảm bảo các yêu cầu sau:(1) Dẫn dắt và nêu khái quát vấn đề, ví dụ:- Giới thiệu bối cảnh xã hội và tác phẩm *Chinh phụ ngâm khúc*- Cảm nhận chung về đặc sắc nghệ thuật, nội dung của đoạn trích thơ(2) Triển khai hệ thống luận điểm, ví dụ:- Luận điểm 1: Nêu, nhận xét nội dung chủ đề của đoạn thơ *+Người phụ nữ trong cảnh ngộ éo le của chiến tránh phong kiến**+ Người phụ nữ trong xã hội xưa đã trở thành hình tượng văn học trong rất nhiều các tác phẩm*- Luận điểm 2: Phân tích những diễn biếntâm trạng của chinh phụ trong đoạn trích, ví dụ:+ Mở đầu là tâm trạng tự hào và thấu hiểu việc tòng quân của chồng là vì nghĩa lớn, là việc của người anh hùng hào kiệt (khổ 1): *chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt, xếp bút nghiêng theo việc đao binh…*+Tiếp theo là tâm trạng lo lắng, nhung nhớ, buồn thương chất chứa trong nỗi lòng kẻ ở hậu phương: những sầu và oán  đang lan rộng từ “cửa phòng” lên đến miền “quan ải”; từ lòng người tràn ra khắp không gian, nhuốm vào cả dòng nước và cỏ cây hoa lá bên đường.+ Và cuối cùng là nỗi buồn lo của nàng chinh phụ trong buổi tiễn đưa như chất như chồng, chan chứa trong suy nghĩ, tâm tư:*lòng rười rượi buồn, khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền.**-* Luận điểm 3. Đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật có trong đoạn thơ:+ Thể thơ song thất lục bát với các gieo vần nhịp nhàng, giọng điệu tha thiết; + Ngôn ngữ dân tộc thể hiện được đầy đủ các cung bậc của cảm xúc đang diễn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình. + Sử dụng nghệ thuật so sánh, nghệ thuật điệp cấu trúc để nhấn mạnh và diễn tả mức độ của nỗi buồn.+ Lưu ý: quá trình phân tích cần kết hợp bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về cái hay, cái đẹp trong đoạn thơ.(3) Tổng kết, đánh giá+ Khẳng định những đặc sắc về nội dung miêu tả tâm trạng nhân vật của đoạn thơ;+ Khẳng định tài năng của tác giả;+ Những tác động đến người đọcd. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt; chữ viết rõ ràng.e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về cách dùng từ, diễn đạt; thể hiện sự tinh tế trong tiếp nhận tác phẩm thơ; sử dụng thao tác so sánh, đối chiếu với các tác phẩm khác tương đồng về nội dung hoặc đặc sắc nghệ thuật.MỘT SỐ THÔNG TIN THAM KHẢO CHO BÀI PHÂN TÍCH:\* Theo các nhà nghiên cứu, tác phẩm được Đặng Trần Côn viết vào đầu đời Cảnh Hưng, khoảng năm 1740. Lúc này đất nước đang lâm vào tình cảnh rối ren, loạn lạc; phong trào khởi nghĩa của nông dân diễn ra ở khắp nơi. Chứng kiến và cảm thán cho những cảnh ly biệt, tình nhớ thương của người chinh phu và chinh phụ trong dân gian mà Đặng Trần Côn đã soạn ra khúc ngâm này. Hẳn là lúc chào đời, tác phẩm đã gây một tiếng vang trong đời sống văn học bấy giờ, khi mở ra một khuynh hướng mới trong sáng tác. Đó là tác phẩm phản ánh rõ nét những dấu ấn của hiện thực đời sống xã hội. Tuy nhiên tác phẩm viết bằng chữ Hán cho nên chưa thể đáp ứng được hết nhu cầu của xã hội cho nên đã có nhiều người dịch tác phẩm sang chữ Nôm, trong đó bản dịch hay nhất được cho là của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Người ta kể nữ sĩ Hồng Hà dịch “Chinh phụ ngâm” trong khoảng thời gian ông Nguyễn Kiều (chồng bà) đi sứ nhà Thanh (khi mới cưới vợ chưa đầy một tháng, năm 1743). Có lẽ sống trong cảnh hương lửa đang nồng nay phải cách xa chồng cùng với biết bao lo toan của cuộc sống ở nhà nên nỗi lòng bà dễ dàng đồng cảm với nỗi niềm của những người chinh phụ nên bản dịch “Chinh phụ ngâm” của bà chất chứa nỗi niềm tâm trạng với biết bao lo âu, sầu muộn; vừa có sự phấp phỏng vừa có nỗi sợ hãi của một người vợ trẻ đang ngày đêm mong ngóng tin chồng giữa không gian và thời gian bao la, mịt mờ, xa thẳm. Có lẽ trong cái tâm trạng ấy mà nữ sĩ đã chọn thể thơ song thất lục bát để diễn tả nỗi lòng qua những cấu trúc tiết tấu nhịp điệu như thể chất chứa tâm trạng buồn lo, nhung nhớ. Cũng bởi vậy mà tác phẩm dễ đi vào lòng người và nhận được sự đồng cảm của biết bao thế hệ bạn đọc qua các thời kỳ lịch sử.\* Phải nói luôn rằng, bức tranh xã hội trong “Chinh phụ ngâm” được nhìn qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ. Cái nhìn ấy cũng đã phần nào phản ánh cho chúng ta thấy được những nét tiêu biểu của hiện thực đời sống trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động với biến cố là những cuộc chiến “huynh đệ tương tàn” đau thương của dân tộc. Đồng thời cũng thể hiện được những tình cảm chân thành của nhân dân. Sự thấu hiểu, đồng cảm và chia sẻ của các tác giả với nhân dân, đất nước đã làm cho tác phẩm có một sức hút và sự ảnh hưởng to lớn đối với đương thời. Có lẽ vì các giá trị nhân bản ấy mà trong suốt trường kỳ lịch sử tác phẩm không bị già đi với thời gian. Nó vẫn được các thế hệ người Việt Nam đón nhận như một lời phản tỉnh chiến tranh phi nghĩa bằng một cảm xúc đầy yêu thương, trân trọng.  |